

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng và
danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 3000/TTr-HĐTDVC ngày 03/10/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách 64 thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023 có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển dụng và gửi văn bản thông báo công nhận kết quả trúng tuyển tới thí sinh dự tuyển theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- Hội đồng TDVC;
- Lưu: VT, HS HĐTDVC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Tuấn

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GDĐT NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-SGDĐT ngày 03/10/2023 của Giám đốc Sở GDĐT)



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	01.01	Ngô Đức Anh	28/12/1982	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT Đồng Bành	DTTS	5	54,0	59,0	Trúng tuyển
2	01.02	Nguyễn Tuấn Anh	13/11/2001	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	Đại học	Toán học	Trường THPT Đồng Bành			59,5	59,5	Trúng tuyển
3	01.03	Lâm Thị Bắc	20/12/1993	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	70,3	75,3	Trúng tuyển
4	01.04	Lương Văn Hiệp	24/05/1991	Nam	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT Đồng Bành			57,8	57,8	
5	01.06	Hoàng Thị Hoa	18/12/2001	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	43,0	48,0	
6	01.07	Dương Thị Thu Huệ	27/09/1994	Nữ	Kinh	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT huyện Văn Quan			46,8	46,8	
7	01.08	Trần Thị Phương	08/08/1994	Nữ	Kinh	Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Đại học	Toán học	Trường THPT huyện Đình Lập			68,5	68,5	Trúng tuyển
8	01.09	Lâm Văn Tân	24/02/1993	Nam	Nùng	Lục Ngạn - Bắc Giang	Thạc sĩ	Toán học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	DTTS	5	46,8	51,8	
9	01.11	Hoàng Thị Quý Tuyết	26/06/1992	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	58,0	63,0	Trúng tuyển
10	01.12	Vũ Thị Thảo	30/06/1999	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Đại học	Toán học	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn			54,0	54,0	Trúng tuyển
11	01.13	Lành Thị Thuý	16/05/1993	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Đình Lập	DTTS	5	53,0	58,0	Trúng tuyển
12	01.14	Nông Thị Thuý Vân	02/10/1993	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	DTTS	5	0,0	5,0	
13	02.01	Lý Đức Cảnh	04/04/1992	Nam	Tày	Bình Liêu - Quảng Ninh	Đại học	Sinh học	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	DTTS	5	52,5	57,5	
14	02.02	Lý Thị Cờ	04/07/1997	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	DTTS	5	70,8	75,8	Trúng tuyển
15	02.03	Dương Thị Hạnh	13/06/1992	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trường THPT Tân Thành	DTTS	5	46,5	51,5	
16	02.04	Hoàng Thị Huệ	17/11/1990	Nữ	Tày	Quảng Hoà - Cao Bằng	Đại học	Sinh học	Trường THPT Cao Lộc	DTTS	5	52,8	57,8	
17	02.05	Nông Thuý Hường	05/12/1992	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	DTTS	5	55,0	60,0	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Điểm tương đương ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm thi	
18	02.07	Nguyễn Thị	Lam	03/09/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	DTTS	5	74,8	79,8	Trúng tuyển
19	02.08	Khuông Thị	Mai	20/10/1987	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	DTTS	5	68,3	73,3	
20	02.10	Hoàng Thu	Phương	29/11/1991	Nữ	Tày	Định Hoá - Thái Nguyên	Đại học	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	DTTS	5	58,5	63,5	
21	02.11	Bế Hồng	Phượng	27/06/1992	Nữ	Tày	Na Rì - Bắc Kạn	Đại học	Sinh học	Trường THPT Tân Thành	DTTS	5	66,8	71,8	Trúng tuyển
22	02.12	Ninh Thị Như	Quỳnh	22/12/1992	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Đại học	Sinh học	Trường THPT Tân Thành			65,5	65,5	
23	02.13	Lương Thị Kim	Sang	16/05/1993	Nữ	Cao Lan	Phổ Yên - Thái Nguyên	Đại học	Sinh học	Trường THPT Tân Thành	DTTS	5	56,8	61,8	
24	02.14	Vi Thị Minh	Tâm	09/08/1989	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trường THPT Cao Lộc	DTTS	5	70,3	75,3	Trúng tuyển
25	02.15	Tô Thị	Tuyết	18/07/1987	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	DTTS	5	70,5	75,5	
26	03.01	Nguyễn Thị	Ánh	19/09/1995	Nữ	Tày	Sơn Động - Bắc Giang	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	71,0	76,0	
27	03.02	Hoàng Thị	Diễm	24/09/1985	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Ba Sơn	DTTS	5	56,0	61,0	
28	03.03	Hoàng Thị	Giang	10/01/1995	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	0,0	5,0	
29	03.04	Nguyễn Thị	Hà	25/10/1990	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	60,8	65,8	
30	03.05	Phùng Thị Thu	Hà	01/01/1997	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Ba Sơn	DTTS	5	69,5	74,5	
31	03.06	Lương Thanh	Hằng	03/01/1989	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định			59,0	59,0	
32	03.08	Lương Minh	Hồng	22/12/1994	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	67,5	72,5	
33	03.12	Nông Thị Tuyết	Mai	04/09/1996	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	72,3	77,3	Trúng tuyển
34	03.13	Lăng Thị	Ngân	21/01/1991	Nữ	Nùng	Văn Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	62,0	67,0	Trúng tuyển
35	03.14	Trần Minh	Nguyệt	26/02/2000	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Ba Sơn	DTTS	5	74,0	79,0	Trúng tuyển
36	03.15	Dương Thị	Nhung	08/05/1989	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	76,0	81,0	Trúng tuyển
37	03.16	Dương Thị	Phương	22/12/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	66,5	71,5	
38	03.17	Vi Thị	Sen	20/01/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Bắc Sơn	DTTS	5	46,0	51,0	
39	03.18	Triệu Thị	Son	24/02/1995	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	72,0	77,0	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
40	03.19	Dương Thị	Tiến	18/07/1987	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	64,0	69,0	
41	03.20	Vũ Thanh	Tùng	02/04/1996	Nam	Nùng	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	59,3	64,3	
42	03.21	Hoàng Kim	Thị	15/10/1991	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	59,0	64,0	
43	03.23	Nông Kim	Thoa	13/11/1992	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	73,0	78,0	Trúng tuyển
44	03.24	Hoàng Thị Huyền	Trang	01/05/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	56,5	61,5	
45	03.25	Lý Thị	Trang	06/09/1992	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	68,5	73,5	Trúng tuyển
46	03.27	Nông Thị	Trường	14/08/1995	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	50,3	55,3	
47	03.28	Lộc Linh	Xuân	17/12/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trường THPT Bắc Sơn	DTTS	5	69,5	74,5	Trúng tuyển
48	04.01	Hoàng Thị Phương	Anh	21/12/1994	Nữ	Kinh	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ			70,3	70,3	
49	04.02	Hoàng Ngọc	Ánh	08/02/1994	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Chi Lăng	DTTS	5	63,5	68,5	Trúng tuyển
50	04.03	Dương Thị	Cảnh	26/07/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	63,5	68,5	Trúng tuyển
51	04.04	Dương Thị	Chi	06/12/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	53,5	58,5	Trúng tuyển
52	04.05	Ngô Thị	Hằng	18/08/1991	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Chi Lăng	DTTS	5	61,0	66,0	
53	04.06	Lý Thị	Hiền	24/02/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ	DTTS	5	56,8	61,8	
54	04.07	Triệu Thị	Hoà	07/05/1990	Nữ	Dao	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng	DTTS	5	-	-	Bỏ thí
55	04.08	Triệu Thị	Huyền	04/07/1994	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng	DTTS	5	84,0	89,0	Trúng tuyển
56	04.09	Hoàng Thị	Hương	02/09/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vân Nham	DTTS	5	82,5	87,5	
57	04.10	Vương Văn	Kín	20/12/1992	Nam	Nùng	Hà Quảng - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng	DTTS	5	62,5	67,5	
58	04.11	Trần Nguyễn	Khánh	11/10/1988	Nam	Kinh	TP Bắc Kạn - Bắc Kạn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng			56,0	56,0	
59	04.12	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	10/05/1998	Nữ	Tày	TP Cao Bằng - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	63,8	68,8	Trúng tuyển
60	04.13	Dương Thuý	Linh	24/01/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	62,5	67,5	
61	04.14	Lương Thị Bé	Loan	03/05/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vân Nham	DTTS	5	85,5	90,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	Ghi chú
62	04.15	Bế Văn	Mến	01/06/2000	Nam	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT huyện Đình Lập	DTTS	5	64,5	69,5	Trúng tuyển
63	04.16	Hoàng Thị	Na	10/03/1994	Nữ	Tày	Hoà An - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	56,8	61,8	
64	04.17	Hoàng Thị	Nga	12/08/1993	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ	DTTS	5	60,8	65,8	
65	04.18	Nguyễn Thị	Nhung	27/04/1988	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc			80,8	80,8	Trúng tuyển
66	04.19	Lý Thị	Oanh	03/12/1997	Nữ	Nùng	Hạ Lang - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng	DTTS	5	63,0	68,0	
67	04.20	Mã Văn	Quang	10/07/2000	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vân Nam	DTTS	5	62,5	67,5	
68	04.21	Chu Thị Châu	Sa	02/10/1998	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	61,5	66,5	
69	04.22	Bế Thị	Tuyên	01/01/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	60,0	65,0	
70	04.23	Phùng Thị	Thắm	05/08/1992	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ	DTTS	5	69,5	74,5	Trúng tuyển
71	04.25	Đỗ Thị	Trang	11/11/1996	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc			64,3	64,3	
72	04.27	Triệu Thị Kim	Yến	01/12/1994	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	Trường THPT Chi Lăng	DTTS	5	62,0	67,0	
73	05.01	Lương Đình	An	29/10/1992	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	55,5	60,5	
74	05.04	Vy Mạnh	Duy	05/04/1993	Nam	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	DTTS	5	56,3	61,3	
75	05.05	Hoàng Thị	Diệp	18/08/1988	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	76,3	81,3	Trúng tuyển
76	05.08	Vi Văn	Hoà	09/05/1996	Nam	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	78,5	83,5	Trúng tuyển
77	05.11	Nguyễn Thị Diệu	Hương	05/10/1990	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Chi Lăng			84,3	84,3	Trúng tuyển
78	05.12	Chu Thị	Hương	30/10/2001	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	70,0	75,0	
79	05.13	Triệu Thị	Lan	04/10/1987	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Hoà Bình	DTTS	5	70,5	75,5	
80	05.14	Dương Thị	Lanh	14/06/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	83,5	88,5	Trúng tuyển
81	05.15	Nông Bích	Ngân	08/02/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	67,5	72,5	
82	05.16	Trần Thị	Nguyệt	16/12/1990	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	Đại học	Địa lý	Trung tâm GDTX 2 tỉnh			76,5	76,5	
83	05.17	Lê Thị	Nhâm	21/06/1992	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	64,8	69,8	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
84	05.18	Nông Thị Nhung	25/01/1989	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	61,5	66,5	
85	05.19	Vi Thị Oanh	12/12/1994	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Hoà Bình	DTTS	5	72,8	77,8	Trúng tuyển
86	05.20	Lường Văn Sánh	20/07/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	76,0	81,0	
87	05.21	Dương Thị Sông	22/09/1994	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	79,0	84,0	Trúng tuyển
88	05.23	Hoàng Thị Kim Thu	11/07/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	72,0	77,0	Trúng tuyển
89	05.25	Đàm Thị Trang	17/04/1990	Nữ	Tày	Na Rì - Bắc Kạn	Đại học	Địa lý	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	DTTS	5	62,0	67,0	
90	05.26	Dương Thu Uyên	23/01/1994	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	DTTS	5	73,5	78,5	Trúng tuyển
91	05.27	Dương Thị Việt	21/02/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Địa lý	Trường THPT Vũ Lễ	DTTS	5	73,0	78,0	
92	05.28	Phùng Thị Xuyến	08/05/1994	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	DTTS	5	72,3	77,3	Trúng tuyển
93	05.29	Nông Thị Yêu	08/02/1991	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lý	Trường THPT Chi Lăng	DTTS	5	65,3	70,3	
94	06.01	Nguyễn Thị Bình	14/07/1993	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	58,3	63,3	
95	06.03	Hoàng Hồng Hạnh	30/08/1993	Nữ	Tày	Võ Nhai - Thái Nguyên	Thạc sĩ	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	70,3	75,3	
96	06.04	Vi Văn Hùng	13/08/1989	Nam	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	70,5	75,5	Trúng tuyển
97	06.05	Triệu Thuý Lan	01/03/1993	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	62,8	67,8	Trúng tuyển
98	06.06	La Văn Thanh	07/05/1994	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	55,3	60,3	
99	06.07	Nông Hữu Thiệu	26/12/1991	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	0,0	5,0	
100	06.08	Ngô Thị Thơm	30/07/1992	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	Trường THPT Hữu Lũng			55,3	55,3	Trúng tuyển
101	07.01	Bùi Mai Anh	20/10/2001	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường THPT Chi Lăng			73,5	73,5	Trúng tuyển
102	07.02	Hoàng Thị Sen	27/03/1992	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	64,5	69,5	
103	07.03	Vi Thị Tố Tâm	21/11/1992	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	85,5	90,5	Trúng tuyển
104	07.05	Triệu Huyền Thực	07/11/2001	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường THPT Tân Thành	DTTS	5	65,5	70,5	Trúng tuyển
105	07.06	Nguyễn Thu Thuý	27/06/2001	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	71,5	76,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	Ghi chú
106	07.07	Lê Ánh	Trang	12/08/1994	Nữ	Kinh	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	Trường THPT Ba Sơn			57,0	57,0	Trúng tuyển
107	08.01	Lương Thị	Cường	22/08/1990	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Trung Quốc	Trung Tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh	DTTS	5	48,0	53,0	
108	08.03	Hoàng Ngọc	Lan	23/03/1990	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Trung Quốc	Trường THPT Đồng Đăng	DTTS	5	56,0	61,0	
109	08.04	Hoàng Thanh	Loan	01/01/1999	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Trung Quốc	Trường THPT Đồng Đăng	DTTS	5	64,0	69,0	
110	08.05	Trần Bích	Ngọc	11/04/2000	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Trung Quốc	Trung Tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh			57,5	57,5	Trúng tuyển
111	08.06	Lộc Phương	Thảo	19/09/1998	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc	Trường THPT Đồng Đăng	DTTS	5	66,8	71,8	Trúng tuyển
112	10.01	Vi Văn	Ba	23/05/1987	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Công nghệ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	62,0	67,0	Trúng tuyển
113	10.02	Hà Xuân	Cánh	12/10/1986	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Công nghệ	Trường THPT Cao Lộc	DTTS	5	49,3	54,3	
114	11.01	Lương Tùng	Dương	25/02/1997	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Thư viện	Trường THPT Đồng Đăng	DTTS	5	73,5	78,5	Trúng tuyển
115	11.02	Dương Kim	Oanh	10/04/1982	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Trung cấp	Thư viện	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	84,5	89,5	Trúng tuyển
116	13.01	Phạm Thị	Hình	23/09/1982	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Thiết bị	Trường THPT Hoà Bình	DTTS	5	67,5	72,5	Trúng tuyển
117	13.02	Hà Tường	Vi	08/03/1987	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Thiết bị	Trường THPT huyện Tràng Định	DTTS	5	80,0	85,0	Trúng tuyển
118	14.02	Vi Thuý	Diệp	25/01/1988	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	72,5	77,5	
119	14.05	La Thị	Gấm	23/10/1992	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	62,0	67,0	
120	14.07	Hoàng Trung	Hiếu	26/10/1993	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	93,0	98,0	Trúng tuyển
121	14.08	Hà Thị	Hoè	08/09/1992	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường THPT DINT tỉnh	DTTS	5	67,5	72,5	
122	14.09	Hoàng Thị	Hội	10/12/1988	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	DTTS	5	45,0	50,0	
123	14.10	Hà Thu	Huệ	28/12/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	DTTS	5	83,0	88,0	
124	14.11	Triệu Văn	Khôi	14/07/1993	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	88,5	93,5	Trúng tuyển
125	14.12	Đàm Thị	Lén	19/11/1994	Nữ	Nùng	Sóc Sơn - Hà Nội	Đại học	Giáo vụ	Trường THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	76,0	81,0	Trúng tuyển
126	14.13	Lý Thị	Lệ	01/08/1986	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	DTTS	5	91,5	96,5	Trúng tuyển
127	14.14	Lâm Văn	Mạnh	03/08/1995	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	DTTS	5	66,5	71,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
128	14.15	Vy Thị Nga	18/01/1992	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	DTTS	5	73,0	78,0	
129	14.16	Trần Bảo Ngọc	10/08/2000	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng			78,0	78,0	
130	14.17	Dương Minh Nguyệt	28/07/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	DTTS	5	86,5	91,5	Trúng tuyển
131	14.18	Vi Bích Nguyệt	19/01/1992	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	87,0	92,0	
132	14.20	Hoàng Thị Sứ	25/06/1989	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	85,0	90,0	
133	14.21	Khuất Thị Tuần	19/10/1988	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	DTTS	5	85,5	90,5	Trúng tuyển
134	14.22	Hoàng Thị Thi	03/04/1988	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Giáo vụ	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	91,0	96,0	
135	14.23	Hoàng Thị Thiệp	12/04/1989	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	80,0	85,0	
136	14.25	Nguyễn Lý Phương Thủy	14/12/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Giáo vụ	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	94,0	99,0	Trúng tuyển
137	14.27	Lý Thị Huyền Trang	02/09/1992	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	DTTS	5	46,5	51,5	
138	14.29	Hứa Thị Tranh	07/08/1993	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	57,0	62,0	
139	14.30	Hoàng Thị Vân	06/12/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	69,5	74,5	
140	14.31	Hoàng Thị Thảo Vân	10/12/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường THPT DTNT tỉnh	DTTS	5	80,0	85,0	
141	14.32	Phan Thị Phương Yến	26/12/1995	Nữ	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn			90,0	90,0	
142	15.01	Hoàng Văn Bắc	02/05/1990	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	DTTS	5	72,0	77,0	Trúng tuyển
143	15.02	Vi Văn Đạo	06/09/1991	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	DTTS	5	67,5	72,5	
144	15.04	Vi Thế Trường Lâm	07/09/1998	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	66,5	71,5	Trúng tuyển
145	15.05	Tăng Minh Tuyên	18/09/1990	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	DTTS	5	66,0	71,0	Trúng tuyển
146	15.06	Hoàng Quang Tứ	26/06/1982	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	DTTS	5	50,0	55,0	
147	15.07	Hoàng Thị Thảo	25/11/1987	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	DTTS	5	75,0	80,0	Trúng tuyển
148	15.08	Nông Lê Thuý	05/07/1990	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Kỹ sư	CNTT	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	DTTS	5	65,0	70,0	Trúng tuyển

Danh sách này gồm có: 148 thí sinh./.

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-SGDĐT ngày 03/10/2023 của Giám đốc Sở GDĐT)



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
1	01.01	Ngô Đức	Anh	28/12/1982	Toán học	Trường THPT Đồng Bành	
2	01.02	Nguyễn Tuấn	Anh	13/11/2001	Toán học	Trường THPT Đồng Bành	
3	01.03	Lâm Thị	Bắc	20/12/1993	Toán học	Trường THPT huyện Văn Quan	
4	01.08	Trần Thị	Phương	08/08/1994	Toán học	Trường THPT huyện Đình Lập	
5	01.11	Hoàng Thị Quý	Tuyết	26/06/1992	Toán học	Trường THPT chuyên Chu Văn An	
6	01.12	Vũ Thị	Thảo	30/06/1999	Toán học	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	
7	01.13	Lành Thị	Thùy	16/05/1993	Toán học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Đình Lập	
8	02.02	Lý Thị	Cờ	04/07/1997	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	
9	02.07	Nguyễn Thị	Lam	03/09/1994	Sinh học	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	
10	02.11	Bế Hồng	Phượng	27/06/1992	Sinh học	Trường THPT Tân Thành	
11	02.14	Vi Thị Minh	Tâm	09/08/1989	Sinh học	Trường THPT Cao Lộc	
12	03.12	Nông Thị Tuyết	Mai	04/09/1996	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	
13	03.13	Lăng Thị	Ngân	21/01/1991	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	
14	03.14	Trần Minh	Nguyệt	26/02/2000	Ngữ văn	Trường THPT Ba Sơn	
15	03.15	Dương Thị	Nhung	08/05/1989	Ngữ văn	Trường THPT Vũ Lễ	
16	03.23	Nông Kim	Thoa	13/11/1992	Ngữ văn	Trường THPT Lương Văn Tri	
17	03.25	Lý Thị	Trang	06/09/1992	Ngữ văn	Trường THPT chuyên Chu Văn An	
18	03.28	Lộc Linh	Xuân	17/12/1991	Ngữ văn	Trường THPT Bắc Sơn	
19	04.02	Hoàng Ngọc	Ánh	08/02/1994	Lịch sử	Trường THPT Chi Lăng	
20	04.03	Dương Thị	Cảnh	26/07/1994	Lịch sử	Trường THPT Vũ Lễ	
21	04.04	Dương Thị	Chi	06/12/1991	Lịch sử	Trường THPT Lương Văn Tri	
22	04.08	Triệu Thị	Huyền	04/07/1994	Lịch sử	Trường THPT Văn Lãng	
23	04.12	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	10/05/1998	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	
24	04.14	Lương Thị Bé	Loan	03/05/1992	Lịch sử	Trường THPT Vân Nam	
25	04.15	Bế Văn	Mến	01/06/2000	Lịch sử	Trường THPT huyện Đình Lập	
26	04.18	Nguyễn Thị	Nhung	27/04/1988	Lịch sử	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	
27	04.23	Phùng Thị	Thắm	05/08/1992	Lịch sử	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	
28	05.05	Hoàng Thị	Diệp	18/08/1988	Địa lí	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	
29	05.08	Vi Văn	Hoà	09/05/1996	Địa lí	Trường THPT chuyên Chu Văn An	
30	05.11	Nguyễn Thị Diệu	Hương	05/10/1990	Địa lí	Trường THPT Chi Lăng	
31	05.14	Dương Thị	Lanh	14/06/1994	Địa lí	Trường THPT Vũ Lễ	
32	05.17	Lê Thị	Nhâm	21/06/1992	Địa lí	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	
33	05.19	Vi Thị	Oanh	12/12/1994	Địa lí	Trường THPT Hoà Bình	
34	05.21	Dương Thị	Sông	22/09/1994	Địa lí	Trường THPT DTNT tỉnh	
35	05.23	Hoàng Thị Kim	Thu	11/07/1996	Địa lí	Trường THPT huyện Văn Quan	
36	05.26	Dương Thu	Uyên	23/01/1994	Địa lí	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	
37	05.28	Phùng Thị	Xuyến	08/05/1994	Địa lí	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
38	06.04	Vi Văn	Hùng	13/08/1989	Giáo dục công dân	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	
39	06.05	Triệu Thuý	Lan	01/03/1993	Giáo dục công dân	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	
40	06.08	Ngô Thị	Thơm	30/07/1992	Giáo dục công dân	Trường THPT Hữu Lũng	
41	07.01	Bùi Mai	Anh	20/10/2001	Tiếng Anh	Trường THPT Chi Lăng	
42	07.03	Vi Thị Tố	Tâm	21/11/1992	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	
43	07.05	Triệu Huyền	Thục	07/11/2001	Tiếng Anh	Trường THPT Tân Thành	
44	07.06	Nguyễn Thu	Thuy	27/06/2001	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	
45	07.07	Lê Ánh	Trang	12/08/1994	Tiếng Anh	Trường THPT Ba Sơn	
46	08.05	Trần Bích	Ngọc	11/04/2000	Tiếng Trung Quốc	Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh	
47	08.06	Lộc Phương	Thảo	19/09/1998	Tiếng Trung Quốc	Trường THPT Đồng Đăng	
48	10.01	Vi Văn	Ba	23/05/1987	Công nghệ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	
49	11.01	Lương Tùng	Dương	25/02/1997	Thư viện	Trường THPT Đồng Đăng	
50	11.02	Dương Kim	Oanh	10/04/1982	Thư viện	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	
51	13.01	Phạm Thị	Hình	23/09/1982	Thiết bị	Trường THPT Hoà Bình	
52	13.02	Hà Tường	Vi	08/03/1987	Thiết bị	Trường THPT huyện Tràng Định	
53	14.07	Hoàng Trung	Hiếu	26/10/1993	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	
54	14.11	Triệu Văn	Khôi	14/07/1993	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	
55	14.12	Đàm Thị	Lén	19/11/1994	Giáo vụ	Trường THPT chuyên Chu Văn An	
56	14.13	Lý Thị	Lệ	01/08/1986	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	
57	14.17	Dương Minh	Nguyệt	28/07/1993	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	
58	14.21	Khuất Thị	Tuân	19/10/1988	Giáo vụ	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	
59	14.25	Nguyễn Lý Phương	Thuy	14/12/1994	Giáo vụ	Trường THPT DTNT tỉnh	
60	15.01	Hoàng Văn	Bắc	02/05/1990	Công nghệ thông tin	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	
61	15.04	Vi Thế Trường	Lâm	07/09/1998	Công nghệ thông tin	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	
62	15.05	Tăng Minh	Tuyên	18/09/1990	Công nghệ thông tin	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	
63	15.07	Hoàng Thị	Thảo	25/11/1987	Công nghệ thông tin	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	
64	15.08	Nông Lệ	Thuy	05/07/1990	Công nghệ thông tin	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Quan	

Danh sách gồm 64 người./.